

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 8/4, Khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 232/26, Tổ A, Khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T trình bày:

Bà Phạm Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành L là vợ chồng, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78/2003, quyển số 01 cấp ngày 18/4/2003 tại UBND phường L, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau bất đồng trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn hay cãi vã, vợ chồng sống không hạnh phúc. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bích V, sinh ngày 25/8/2004, khi ly hôn bà T đồng ý để ông L nuôi con, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), giấy khai sinh cháu Nguyễn Ngọc Bích V (bản sao).

Bị đơn ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, nhưng ông L không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Quá trình giải quyết, Tòa án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đã niêm yết hợp lệ cho bị đơn. Tuy nhiên, ông L đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thành L vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đủ các thủ tục tố tụng. Vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung khác. Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà T và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nay bà T có đơn xin ly hôn với ông L và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 26/4/2019 nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Các vấn đề có tranh chấp:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông L là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vào ngày 18/4/2003 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà T cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm hai bên. Tại biên bản xác minh ngày 02/5/2019, đại diện UBND phường C thành phố T tỉnh Bình Dương xác định “Bà T và ông L đã không còn chung sống với nhau. Bà T đã chuyển về nhà mẹ ruột tại thị xã T để sinh sống, riêng ông L vẫn còn sinh sống tại địa phương”. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông L là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Bích V, sinh ngày 25/8/2004, khi ly hôn bà T đồng ý để ông L nuôi con, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Theo bản tự khai con chung Nguyễn Ngọc Bích V có nguyện vọng sống chung với cha tên Nguyễn Thành L. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao con Nguyễn Ngọc Bích V cho ông Nguyễn Thành L chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thanh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị Thanh T về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn ông Nguyễn Thành L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

Về con chung: Giao ông Nguyễn Thành L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Ngọc Bích V, sinh ngày 25/8/2004.

Không ai được quyền cản trở bà Phạm Thị Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi cần thiết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét do đương sự không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình: Bà Phạm Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0033650 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND p. L, tx. T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo